

Số: 77./2021/QĐ-TGD

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy trình Gọi bổ sung và xử lý TSDB

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB

- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này **Quy trình Gọi bổ sung và xử lý Tài sản đảm bảo** của Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB.
- Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối, Trưởng các Phòng, Ban Hội sở, Chi nhánh và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: QTRR.


NGUYỄN ĐỨC HOÀN



**QUY TRÌNH GỌI BỔ SUNG VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN ĐẢM BẢO
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN HDB**

07/2021

A7
CỘNG
HÒA
CHÍNH
H
1-1

TRANG BÌA NGOÀI THEO DÕI SOẠN THẢO

Người/Đơn vị được phân phối:

1. Các TV HĐQT; Ban Kiểm Soát	☒
2. Tổng Giám đốc	☒
3. Các Khối trong Công ty	☒
4. Phòng/Ban HS, Các CN; PGD	☒
5. Lưu QTRR, Nghiệp vụ	☒

Thành phần tham gia xây dựng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Phòng ban	Chữ ký
1	Nguyễn Thanh Phú	Phó phòng	Phòng Quản trị rủi ro	
2	Lê Đức Hùng	Trưởng phòng	Phòng Môi giới CNHN	
3	Tô Lan Phương	Trưởng phòng	Phòng Nghiệp vụ	
4	Nguyễn Thành Trung	Giám đốc	Khối Pháp chế và Kiểm soát tuân thủ	

Người phê duyệt:



Họ và tên: **NGUYỄN ĐỨC HOÀN**

Chức vụ: **TỔNG GIÁM ĐỐC**

QUY TRÌNH GỌI BỔ SUNG VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN ĐÀM BẢO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 77/2021/QĐ-TGD ngày 15/11/2021 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích:

1. Quy định những nguyên tắc quản trị rủi ro trong hoạt động cung cấp sản phẩm cho vay ký quỹ tại Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (HDBS);
2. Đảm bảo cung cấp sản phẩm cho vay ký quỹ hiệu quả, đạt mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của HDBS, hạn chế thiệt hại về kinh tế cho nhà đầu tư và HDBS và tuân thủ các quy định của pháp luật.
3. Quy định trách nhiệm và phương pháp thực hiện và kiểm soát các biện pháp khắc phục, phòng ngừa để giải quyết các vấn đề tồn tại, hoặc tiềm ẩn trong hoạt động nghiệp vụ giao dịch ký quỹ của HDBS.
4. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ các phòng trong HDBS đối với khách hàng.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Áp dụng đối với sản phẩm cho vay ký quỹ của HDBS;
2. Áp dụng cho các quá trình:
 - Xác định các tham số quản trị rủi ro;
 - Phân cấp thẩm quyền phê duyệt;
 - Gọi bổ sung và xử lý TSDB
 - Báo cáo trạng thái rủi ro;
 - Dự phòng và xử lý dự phòng rủi ro;
 - Lưu trữ chứng từ.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015, Sửa đổi, Bổ sung một số Điều của Nghị Định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và Luật Sửa đổi, Bổ sung một số Điều của Luật Chứng Khoán.
- Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 Tháng 07 Năm 2016, Quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh Chứng khoán.
- Thông tư số 134/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 12 năm 2017, Hướng dẫn giao dịch điện tử trên thị trường Chứng khoán.



- Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016, sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012.
- Thông tư 121/2020/TT-BTC quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.
- Thông tư 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.
- Quyết định 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 11 năm 2017, về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ.
- Quy chế quản trị rủi ro của Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB;
- Các văn bản pháp luật và quy định nội bộ có liên quan.

Điều 4. Giải thích thuật ngữ và viết tắt

1. **UBCKNN** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
2. **Công ty hay HDBS** là Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB;
3. **HĐQT** là Hội đồng quản trị;
4. **TGD** là Tổng Giám đốc HDBS;
5. **CBNV** là cán bộ nhân viên của HDBS;
6. **Giao dịch ký quỹ (viết tắt "GDKQ")** là giao dịch mua chứng khoán của Khách hàng có sử dụng tiền vay của Công ty và toàn bộ chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ được dùng làm tài sản đảm bảo.
7. **Tài khoản giao dịch ký quỹ (viết tắt "TKGDKQ")** là tiểu khoản thuộc Tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng mở tại Công ty.
8. **Tài khoản giao dịch thông thường** là tiểu khoản của Khách hàng mở tại HDBS để giao dịch chứng khoán nhưng không sử dụng tiền vay của HDBS.
9. **Tỷ lệ ký quỹ** là tỷ lệ giữa giá trị tài sản quy đổi so với dư nợ quy đổi trên tài khoản giao dịch ký quỹ.
10. **Dư nợ ký quỹ của khách hàng trên tài khoản giao dịch ký quỹ** là tổng số tiền khách hàng nợ HDBS;
11. **Giá trị TSĐB quy đổi** = $\Sigma(\text{Số lượng chứng khoán được giao dịch ký quỹ} \times \text{Giá căn cứ} \times \text{Tỷ lệ cho vay ký quỹ} + \text{Giá trị các tài sản đảm bảo quy định khác (nếu có) được HDBS định giá tùy từng thời kỳ})$
12. **Dư nợ ký quỹ của khách hàng trên tài khoản giao dịch ký quỹ** là tổng số tiền khách hàng nợ HDBS;
13. **Tỷ lệ an toàn (Rat)** là tỷ lệ ký quỹ ban đầu khi HDBS cho khách hàng vay mua chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ;
14. **Tỷ lệ ký quỹ duy trì (Rdt)** là tỷ lệ ký quỹ tối thiểu mà khách hàng phải đảm bảo duy trì trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng tại mọi thời điểm;
15. **Tỷ lệ cảnh báo (Rcb)** là ngưỡng mà khi tỷ lệ ký quỹ của khách hàng xuống đến ngưỡng này thì khách hàng phải bổ sung tài sản đảm bảo để đưa về tỷ lệ ký quỹ duy trì;

16. **Tỷ lệ xử lý (Rxl)** là ngưỡng mà khi tỷ lệ ký quỹ của khách hàng xuống dưới mức an toàn mà khách hàng chưa/không bổ sung tài sản đảm bảo, HDBS sẽ có quyền xử lý tài sản đảm bảo;
17. **Bán giải chấp** là lệnh bán xử lý tài sản đảm bảo trên tài khoản khách hàng để đưa tỷ lệ ký quỹ thực tế trên tài khoản về ngưỡng duy trì;
18. **Lệnh gọi ký quỹ** là thông báo do HDBS phát hành khi tỷ lệ ký quỹ hiện tại trên TKGDQ giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì; gửi đến địa chỉ email đăng ký của Khách hàng và/hoặc gửi SMS/gọi điện thoại đến số điện thoại đăng ký của Khách hàng và/hoặc gửi thư qua đường bưu điện đến địa chỉ liên lạc mà Khách hàng đã đăng ký; để yêu cầu Khách hàng bổ sung tài sản đảm bảo trong một thời hạn nhất định nhằm duy trì tỷ lệ ký quỹ theo đúng quy định của HDBS.
19. **Tài sản đảm bảo cho khoản vay GDKQ** (gọi tắt là "Tài sản đảm bảo" or "Tài sản thế chấp") bao gồm nhưng không giới hạn toàn bộ tiền, chứng khoán và các quyền liên quan đến chứng khoán này trên TKGDQ, Tài khoản giao dịch thông thường của Khách hàng.
20. **Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán** (gọi tắt là "Hợp đồng") là Hợp đồng được ban hành kèm theo quy trình này đồng thời cũng là hợp đồng tín dụng cho các khoản vay trên TKGDQ, trong đó quy định nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên khi thực hiện GDKQ trên TKGDQ.
21. Trong Quy trình này, có tham chiếu tới một hoặc một số quy định và/hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của quy định và/hoặc văn bản đó.
22. Các từ được viết hoa nhưng chưa được định nghĩa trong Quy trình này, nếu không mâu thuẫn với ngữ cảnh hoặc chủ thể trong Quy trình này, sẽ có nghĩa tương đương như được quy định trong Điều lệ Công ty và/hoặc các văn bản pháp luật có liên quan.

P. QTRR: Phòng Quản trị rủi ro

P. MG: phòng Môi giới

P. TC-KH: Phòng Tài chính – Kế hoạch

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ KÝ QUỸ, THẾ CHẤP TÀI SẢN VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Điều 5. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ duy trì

1. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu do công ty quy định nhưng không được thấp hơn 50%.
2. Tỷ lệ ký quỹ duy trì do công ty quy định nhưng không được thấp hơn 30%.

Điều 6. Xác định tỷ lệ ký quỹ

1. Vào cuối ngày giao dịch, công ty chứng khoán phải xác định tỷ lệ ký quỹ của từng tài khoản giao dịch ký quỹ với giá trị của chứng khoán được xác định theo quy định.
2. Thời điểm cụ thể để xác định tỷ lệ ký quỹ của tài khoản giao dịch ký quỹ do công ty chứng khoán thỏa thuận bằng văn bản với khách hàng trên cơ sở đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Lệnh gọi yêu cầu ký quỹ bổ sung

1. Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì. Trường hợp tỷ lệ ký quỹ trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng giảm xuống thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì, công ty chứng khoán phát hành lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi tới khách hàng theo các phương thức liên hệ được thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ.

Khách hàng có nghĩa vụ bổ sung tài sản thế chấp trong thời hạn theo yêu cầu của công ty chứng khoán nhưng không quá ba (03) ngày làm việc. Thời hạn cụ thể do công ty chứng khoán và khách hàng thỏa thuận trên cơ sở Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ.

2. Kể từ khi nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung, khách hàng phải bán chứng khoán hoặc thực hiện việc bổ sung tiền hoặc bổ sung tài sản thế chấp để tối thiểu đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì, mức cụ thể do công ty chứng khoán quy định.

Điều 8. Xử lý tài sản thế chấp

1. Công ty chứng khoán có quyền bán chứng khoán thế chấp trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng khi khách hàng không bổ sung hoặc bổ sung không đầy đủ tài sản thế chấp trong thời hạn theo lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

a) Trường hợp khách hàng không bổ sung hoặc chỉ bổ sung một phần tài sản thế chấp, tùy thuộc vào giá trị tài sản thế chấp cần bổ sung còn lại nhỏ hơn hoặc lớn hơn tổng giá trị chứng khoán có trên tài khoản giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán được thực hiện bán một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán thế chấp;

b) Trước khi thực hiện lệnh bán chứng khoán thế chấp, công ty chứng khoán có trách nhiệm thông báo cho khách hàng và sau khi bán, công ty chứng khoán có trách nhiệm gửi cho khách hàng bảng sao kê kết quả giao dịch bán chứng khoán thế chấp theo phương thức được thỏa thuận bằng văn bản giữa công ty chứng khoán và khách hàng.

2. Trường hợp công ty chứng khoán bán toàn bộ chứng khoán có trên tài khoản giao dịch ký quỹ theo yêu cầu của khách hàng hoặc khi thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung, khách hàng chỉ được rút phần tiền còn lại (nếu có) từ số tiền bán chứng khoán trên tài khoản giao dịch ký quỹ sau khi đã khấu trừ dư nợ ký quỹ.

3. Trường hợp tổng tài sản trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng sau khi bán chứng khoán thế chấp không đủ bù đắp dư nợ ký quỹ và khách hàng không thực hiện việc thanh toán phần nợ vay còn lại theo thỏa thuận tại Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán thực hiện việc thu hồi nợ theo phương thức thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ và theo quy định pháp luật.

Điều 9. Quy tắc quản lý tài khoản giao dịch ký quỹ

1. Tài khoản giao dịch ký quỹ phải được quản lý tách biệt với tài khoản giao dịch thông thường;
2. Khách hàng sử dụng tiền, chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ và các quyền liên quan đến chứng khoán này để làm tài sản thế chấp cho khoản vay để thực hiện giao dịch ký quỹ; chứng khoán khác được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ký quỹ khi có thỏa thuận bằng văn bản với Khách hàng; tiền mặt, chứng khoán và các quyền liên quan đến chứng khoán trên tài khoản ký quỹ là tài sản của Khách hàng;
3. Khách hàng phải thanh toán tiền lãi trên khoản dư nợ ký quỹ theo các hình thức cụ thể được thỏa thuận trong Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ;
4. Việc giao dịch ký quỹ bằng hình thức giao dịch điện tử phải tuân thủ quy định liên quan về giao dịch điện tử. Mẫu lệnh giao dịch ký quỹ là phụ lục không thể tách rời của Hợp đồng mở tài khoản giao dịch ký quỹ;
5. Công ty chứng khoán chỉ được phép thực hiện các giao dịch liên quan đến Chứng khoán thế chấp theo chỉ định của Khách hàng, ngoại trừ trường hợp bán chứng khoán thế chấp để duy trì tỷ lệ ký quỹ hoặc thu hồi nợ vay.
6. Công khai thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty về các điều kiện cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ bao gồm danh mục chứng khoán giao dịch ký quỹ, yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay.

7. Thông tin về tài khoản giao dịch ký quỹ của Khách hàng được Công ty chứng khoán bảo mật, ngoại trừ phải cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được Khách hàng đồng ý.

CHƯƠNG III: QUY ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Điều 10. Xây dựng hạn mức và điều chỉnh hạn mức rủi ro

1. Căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, rủi ro của sản phẩm, Phòng Quản trị rủi ro trình Tổng Giám đốc phê duyệt hạn mức rủi ro cho sản phẩm;
2. Hạn mức rủi ro cho sản phẩm được xác định cụ thể, trên cơ sở tổng hạn mức rủi ro của hoạt động dịch vụ tài chính và các hoạt động khác của HDBS và phải phù hợp với khẩu vị, năng lực rủi ro của HDBS;
3. Trong quá trình triển khai sản phẩm hàng tháng, hàng quý, Phòng quản trị rủi ro đánh giá lại kết quả triển khai sản phẩm, trạng thái rủi ro và báo cáo Tổng Giám đốc.

Điều 11. Các tham số quản trị rủi ro

1. Tài sản ký quỹ
 - Tài sản ký quỹ chứng khoán nằm trong danh mục chứng khoán cho vay ký quỹ theo quy định của HDBS tại từng thời kỳ và các quyền phát sinh từ sổ chứng khoán này và các tài sản khác (nếu có) được HDBS chấp thuận;
 - Giá chứng khoán làm căn cứ để xác định giá trị tài sản đảm bảo trong tài khoản giao dịch ký quỹ được xác định theo nguyên tắc sau (nhưng không vượt quá giá cho vay tối đa của từng mã chứng khoán theo quy định của HDBS):
 - Trong phiên giao dịch là giá tham chiếu của chứng khoán tại ngày giao dịch đó;
 - Ngoài phiên giao dịch là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất.
2. Thời gian cho vay ký quỹ
 - Thời hạn cho vay:
 - Thời hạn "Khoản vay giao dịch ký quỹ" là tám mươi chín (89) ngày tính từ ngày thực hiện giải ngân khoản vay.
 - Thời hạn gia hạn khoản vay:
 - Không có tự động gia hạn Khoản vay.
 - Căn cứ trên cơ sở đề nghị gia hạn nợ của Khách hàng, Khoản vay được gia hạn một (01) lần với thời hạn gia hạn không vượt quá thời hạn của khoản vay gốc.
 - Điều kiện gia hạn khoản vay:
 - Tỷ lệ ký quỹ hiện tại của tài khoản lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ ký quỹ duy trì và hiện không có khoản nợ quá hạn nào;
 - Có đề nghị gia hạn nợ của Khách hàng.
 - Căn cứ trên cơ sở đề nghị gia hạn nợ của Khách hàng, Khoản vay được gia hạn một (01) lần với thời hạn gia hạn không vượt quá thời hạn của khoản vay gốc.

Những khoản vay đã quá hạn thì không được xét gia hạn, ngoại trừ được phê duyệt từ cấp có thẩm quyền.

3. Trả nợ vay

- Không phụ thuộc vào thời hạn vay, khách hàng phải trả cho HDBS tất cả các khoản nợ (nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí nếu có) ngay khi khách hàng có tiền trong tài khoản giao dịch ký quỹ. Việc trả nợ được thực hiện một lần hoặc nhiều lần (thanh toán từng phần) tùy thuộc vào số dư tiền có trong tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng;
- Vào ngày hết thời hạn ("Ngày đáo hạn") của mỗi khoản vay, khách hàng có trách nhiệm trả HDBS toàn bộ khoản vay, tiền lãi và bất cứ chi phí phát sinh nào;
- Nếu vào ngày đáo hạn của một khoản vay mà khách hàng chưa hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, HDBS có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khấu trừ bất kỳ số tiền nào trên tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng để thu hồi khoản nợ đó;
- Trong trường hợp khách hàng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vào Ngày đáo hạn, dư nợ khoản vay đến hạn, tiền lãi vay và các chi phí phát sinh sẽ bị coi là nợ quá hạn và bị tính lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của khoản vay;
- Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán, và đồng ý uỷ quyền cho HDBS trích từ tài khoản giao dịch ký quỹ của khách hàng bất kỳ khoản tiền nào để thanh toán cho các khoản phí giao dịch, phí môi giới, thuế thu nhập, các khoản thuế khác, phí, lệ phí, chi phí khác liên quan đến tài khoản giao dịch ký quỹ và giao dịch chứng khoán ký quỹ thực hiện theo lệnh của khách hàng, các chi phí liên quan đến việc gửi, giữ, cầm cố, quản lý, phong tỏa tài sản bảo đảm, xử lý tài sản bảo đảm. Các khoản phí dịch vụ của HDBS thực hiện theo biểu phí do HDBS công bố trong từng thời kỳ.

4. Tài sản đảm bảo

- Tài sản đảm bảo bao gồm: Tiền mặt, chứng khoán có trong tài khoản giao dịch ký quỹ, tiền bán chứng khoán và chứng khoán đang về tài khoản ký quỹ và các quyền liên quan đến chứng khoán (quy định theo chính sách của công ty chứng khoán trong từng thời kỳ);
- HDBS phải định giá lại giá trị tài sản bảo đảm hàng ngày hoặc bất cứ lúc nào thấy cần thiết.

5. Các chỉ số đánh giá trạng thái rủi ro đối với khoản vay:

Công thức tính:

$$Rtt = \text{Giá trị TSDB quy đổi} / (\text{Tổng giá trị nợ thực tế} - \text{Tiền} - \text{Tiền bán chứng khoán chờ về})$$

Căn cứ vào giá trị Rtt, Phòng Quản trị rủi ro trình Tổng Giám đốc phê duyệt các tỷ lệ an toàn (Rat); tỷ lệ duy trì (Rdt); tỷ lệ xử lý (Rxl) cụ thể trong từng thời kỳ.

6. Nguyên tắc cảnh báo

- Khi đến ngưỡng Rcb hệ thống sẽ tự động gửi email/sms cảnh báo đến khách hàng và nhân viên môi giới chăm sóc tài khoản yêu cầu bán, bổ sung tài sản đảm bảo. Nhân viên môi giới chăm sóc tài khoản có trách nhiệm đôn đốc khách hàng;
- Khi khách hàng có khoản vay đến hạn thanh toán mà không còn thời gian gia hạn nợ:
 - Trước khi khoản vay đến hạn, hệ thống tự gửi SMS cho khách hàng, nhân viên môi giới được phân quyền xem báo cáo, tự theo dõi.
- Khách hàng sẽ có thời gian chủ động xử lý nợ để đưa tài khoản về tỷ lệ duy trì trong các trường hợp sau:
 - Nếu tài khoản chạm ngưỡng cảnh báo do giá chứng khoán sụt giảm, khách hàng sẽ được chủ động xử lý trong hạn "Thời gian cảnh báo". Trong thời hạn này, nếu Rtt của khách hàng sụt giảm xuống ngưỡng Rxl, tài khoản sẽ bị force sell trước thời hạn;

- Nếu tài khoản chạm ngưỡng cảnh báo/xử lý do HDBS thay đổi danh mục cho vay, khách hàng được chủ động xử lý trong hạn "Thời gian cảnh báo sớm". Tại ngày áp dụng thay đổi danh mục, thực hiện cảnh báo sớm cho khách hàng và nhân viên môi giới chăm sóc tài khoản;
- Nếu tài khoản chạm ngưỡng cảnh báo/xử lý do chứng khoán thực hiện quyền, khách hàng được chủ động xử lý trong hạn "Thời gian cảnh báo do thực hiện quyền";
- Sau thời điểm này, nếu khách hàng không tự thu xếp nợ để đưa ra khỏi tình trạng cảnh báo, tài khoản sẽ chuyển sang trạng thái bị xử lý bán force sell;

Điều 12. Quy trình theo dõi, xử lý thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung

1. Tài khoản sẽ bị hệ thống cảnh báo khi: $RxI < Rtt < Rdt$.

Khi tỷ lệ ký quỹ (Rtt) trên tài khoản giao dịch ký quỹ của KH giảm xuống thấp hơn hoặc bằng tỷ lệ ký quỹ duy trì, Công ty phát lệnh gọi ký quỹ bổ sung gửi đến KH theo các phương thức liên hệ đã được thỏa thuận trong Hợp đồng GDKQ có nghĩa vụ bổ sung tài sản thế chấp trong thời hạn theo yêu cầu của Công ty.

2. Thời gian thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung:

+ Đối với trường hợp do giá thị trường của cổ phiếu giảm: Từ sáng ngày T+1 đến trước 09:00 sáng ngày T+3.

+ Đối với trường hợp cổ phiếu bị loại theo quyết định của Sở giao dịch: Từ sáng ngày T+1 đến trước 09:00 sáng ngày T+3.

+ Đối với trường hợp do thực hiện quyền: Từ sáng ngày T+1 đến trước 09:00 sáng ngày T+5.

+ Đối với trường hợp do cổ phiếu bị loại để đảm bảo yếu tố quản trị rủi ro của HDBS: Từ sáng ngày T+1 đến trước 09:00 sáng ngày T+6.

Bộ phận	Mô tả công việc	Thời gian
P.Nghiệp vụ P.QTRR	<u>Cuối ngày giao dịch,</u> - Hệ thống gửi tin nhắn về việc theo dõi, xử lý giảm tỷ lệ với các TK GDKQ có $Rtt < Rdt$. - Các phòng QTRR, MG, Nghiệp vụ phải kiểm tra và theo dõi tình hình trên hệ thống. - Nếu $Rtt \leq RxI$, vào ngày làm việc tiếp theo, sau 9:00, phòng QTRR thực hiện bán CK để đưa tỷ lệ $Rtt \geq Rat$.	Ngày phát sinh lệnh gọi ký quỹ (T)
P.Nghiệp vụ P. MG	<u>Sau khi nhận thông báo về tình trạng cảnh báo, thực hiện gọi ký quỹ</u> - Phòng NV, Phòng MG phải liên hệ ngay với KH có tỷ lệ $Rtt < Rdt$ bằng tất cả các phương thức liên hệ có thể thực hiện. - Phòng NV, Phòng MG đề nghị KH bổ sung tài sản hoặc bán CK để đưa tỷ lệ $Rtt \geq Rdt$. - Nếu KH đồng ý, thông báo cho P.QTRR về việc bổ sung TSDB.	Từ ngày T +1 tới trước thời điểm bán giải chấp

	– Lưu hồ sơ về việc KH bổ sung TSDB. – Nếu KH từ chối, thông báo cho khách về việc Công ty có thể bán giải chấp CK của KH.	
P. MG P. Nghiệp vụ P.QTRR	<u>Trước ngày bán giải chấp 1 ngày.</u> + Đối với trường hợp do giá thị trường của cổ phiếu bị giảm: T+2. + Đối với trường hợp cổ phiếu bị loại theo quyết định của Sở giao dịch: T+2. + Đối với trường hợp do thực hiện quyền: T+4. + Đối với trường hợp do cổ phiếu bị loại để đảm bảo yếu tố quản trị rủi ro của HDBS: T+5. – Cuối ngày trước khi thực hiện bán giải chấp, hệ thống gửi tin nhắn về việc theo dõi giảm tỷ lệ với các TK GDKQ có $R_{xl} < R_{tt} < R_{dt}$, $R_{tt} \leq R_{xl}$. – Các phòng liên quan phải theo dõi các TK có $R_{xl} < R_{tt} < R_{dt}$ và $R_{tt} \leq R_{xl}$. – Phòng QTRR và P. Nghiệp Vụ kiểm tra với phòng TC-KH về các TK đã bổ sung tài sản vào mỗi sáng để tránh bán giải chấp trên các TK đã bổ sung tài sản để khôi phục tỷ lệ về lớn hơn hoặc bằng R_{dt}. – Cuối ngày, P. QTRR lập danh mục chứng khoán và số lượng cần bán dựa trên sự chênh lệch giữa R_{tt} và R_{at}, để chuẩn bị đặt lệnh bán giải chấp vào ngày làm việc tiếp theo.	Trước ngày bán giải chấp 1 ngày

Điều 13. Quy trình bán giải chấp

Phòng QTRR kết hợp phòng ban liên quan để thực hiện công bố thông tin trong trường hợp HDBS thực hiện bán giải chấp đối với TK của KH là cổ đông lớn hoặc người có liên quan của một tổ chức niêm yết.

Bộ phận	Mô tả công việc	Thời gian
P. MG P.Nghiệp vụ P. QTRR	Trường hợp 1) Nếu $R_{xl} < R_{tt} < R_{dt}$ – P. MG, P. Nghiệp vụ thông báo Khách hàng 9:00 ngày đạt ngưỡng bán giải chấp là hạn chót để đưa $R_{tt} \geq R_{dt}$. <u>Ngày đạt ngưỡng bán giải chấp.</u> + Đối với trường hợp do giá thị trường của cổ phiếu bị giảm: T+3. + Đối với trường hợp cổ phiếu bị loại theo quyết định của Sở giao dịch: T+3. + Đối với trường hợp do thực hiện quyền: T+5. + Đối với trường hợp do cổ phiếu bị loại để đảm bảo yếu tố quản trị rủi ro của HDBS: T+6.	Trước thời điểm bán giải chấp 9:00

	Trường hợp 2) Nếu $R_{tt} \leq R_{xl}$ - P. MG, P. Nghiệp vụ thông báo Khách hàng 9:00 ngày đạt ngưỡng bán giải chấp, $T+1$, là hạn chót để đưa $R_{tt} \geq R_{dt}$. - Trong trường hợp, KH bổ sung tài sản hoặc bán CK vào ngày $T+1$ để đưa tỷ lệ $R_{tt} \geq R_{dt}$, tiếp tục theo dõi tài khoản của KH. - Sau 9:00, tỷ lệ $R_{tt} \leq R_{xl}$, P. QTRR thực hiện bán giải chấp để đưa $R_{tt} \geq R_{at}$. *Các trường hợp đặc biệt sẽ được phê duyệt thông qua Ban điều hành. - Trong trường hợp đặc biệt, nếu KH có thể thanh toán và đã thỏa thuận thời gian thanh toán, phòng MG phải lập Yêu cầu hoãn thời gian bán giải chấp. - Phòng QTRR xem xét lại yêu cầu và phòng MG đề xuất tới người có thẩm quyền phê duyệt. - Phương thức thực hiện cụ thể sẽ được phòng MG thỏa thuận với KH và phải được phê duyệt thông qua người có thẩm quyền. Sau khi được phê duyệt, phòng Nghiệp vụ thông báo với KH, phòng QTRR và thực hiện theo quy trình.	
P. MG P. QTRR P. Nghiệp vụ	<u>Vào ngày bán giải chấp, tỷ lệ $R_{xl} < R_{tt} < R_{dt}$ và KH không bổ sung tài sản,</u> - Phòng QTRR lập danh sách chứng khoán và số lượng dựa trên sự chênh lệch tỷ lệ R_{tt} và R_{at} và thực hiện kiểm tra chéo với phòng Nghiệp vụ và phòng MG. - Phòng QTRR thực hiện bán giải chấp theo quy định với các mức giá là ATO, MP, ATC, LO để đảm bảo đưa tỷ lệ $R_{tt} \geq R_{at}$. - Trường hợp bán CK trên TK GDKQ nhưng vẫn không đảm bảo được kết quả $R_{tt} \geq R_{at}$, tiếp tục trích tiền hoặc bán CK trên tài khoản thường của KH. - Cuối ngày giao dịch, phòng QTRR xuất báo cáo bán giải chấp, báo cáo thu hồi nợ và báo cáo trực tiếp cho Ban TGD. Phòng Nghiệp vụ, phòng MG thông báo kết quả bán giải chấp cho KH.	Ngày bán giải chấp.
P. Nghiệp vụ P. MG P. QTRR	- Lưu trữ đầy đủ bộ hồ sơ (trên hệ thống hoặc bằng văn bản) bán giải chấp bao gồm: yêu cầu bổ sung tài sản và thông báo bán giải chấp đến khách hàng (sms, email, điện thoại có ghi âm, công văn thông báo bán giải chấp), phiếu lệnh bán giải chấp, bảng kê thu hồi nợ. - P. QTRR thông báo cho P.MG, sau đó báo cáo Ban lãnh đạo (nếu cần) về việc hoàn thành bán giải chấp.	Sau khi bán giải chấp

Điều 14. Trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng xử lý rủi ro

1. Sản phẩm được phân loại nợ và trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng tuân thủ Quy chế trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng.
2. Dự phòng là một khoản chi phí, tùy từng thời kỳ Tổng Giám đốc có thể xem xét trước khi xác định kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị và xác định lương kinh doanh.

Điều 15. Lưu trữ chứng từ

1. Toàn bộ các tài liệu liên quan đến sản phẩm giao dịch ký quỹ được lưu trữ tại Phòng Quản trị rủi ro và Phòng Nghiệp vụ trong thời gian 15 năm:
 - Tờ trình phát triển sản phẩm, tờ trình điều chỉnh;
 - Các mẫu biểu hợp đồng, phê duyệt ban hành các biểu mẫu;
2. Các chứng từ: Hợp đồng giao dịch ký quỹ của các khách hàng, các chứng từ liên quan đến giao dịch, chứng từ kế toán lưu tại các bộ phận liên quan được lưu trong thời gian 15 năm.

CHƯƠNG IV

TRÁCH NHIỆM VÀ NHIỆM VỤ

1. Nhân viên phòng Nghiệp vụ, Môi giới, QTRR, TC-KH tuân thủ nghiêm ngặt quy trình và nội dung công việc theo trách nhiệm và nhiệm vụ được giao.
2. Các phòng ban tham gia trực tiếp và gián tiếp vào quy trình thực hiện nghiêm túc các quy định trong quy trình này và chịu trách nhiệm trước Ban tổng giám đốc nếu có sai phạm nào trong quá trình thực hiện như vi phạm quy trình làm việc và quy trình phê duyệt và không thực hiện nhiệm vụ.
3. Các vấn đề vượt quá thẩm quyền phải được báo cáo cho người có thẩm quyền để xử lý kịp thời.

CHƯƠNG V

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 16. Báo cáo định kỳ

1. Hàng ngày, các đơn vị kinh doanh của HDBS báo cáo các giao dịch, báo cáo trạng thái rủi ro, báo cáo quản trị rủi ro tại đơn vị mình gửi Phòng quản trị rủi ro để tổng hợp báo cáo trình Tổng Giám đốc;
2. Định kỳ hàng tháng, Phòng quản trị rủi ro tổng hợp báo cáo Tổng Giám đốc trạng thái rủi ro, việc triển khai chính sách, hạn mức rủi ro đã được Tổng Giám đốc phê duyệt và tờ trình các điều chỉnh sản phẩm khi cần thiết cho phù hợp với tình hình biến động của thị trường;
3. HDBS phải báo cáo các cơ quan quản lý về các nội dung vào các thời điểm cụ thể theo quy định tại các thời kỳ.

Điều 17. Báo cáo bất thường

1. Các đơn vị kinh doanh phải báo cáo những bất thường về trạng thái rủi ro và các vấn đề liên quan tiềm ẩn rủi ro tại đơn vị mình quản lý ngay lập tức khi phát hiện cho Phòng quản trị rủi ro để trình Tổng Giám đốc;
2. HDBS phải báo cáo cơ quan quản lý về các nội dung vào các thời điểm cụ thể theo quy định tại các thời kỳ.

CHƯƠNG VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy trình này có hiệu lực kể từ ngày ký, mọi sửa đổi, bổ sung Quy trình này do Tổng Giám đốc quyết định.
2. Những vấn đề chưa được quy định tại Quy trình này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và quy định khác của HDBS. Trường hợp phát sinh nội dung nào trái với quy định của pháp luật thì quy định đó đương nhiên hết hiệu lực thi hành.

PHỤ LỤC: Đề nghị Hoãn bán giải chấp



CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN HDB

TRỤ SỞ CHÍNH

Lầu 3B và 9, số 58 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa
Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐỀ NGHỊ HOÃN BÁN GIẢI CHẤP

Kính gửi: Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (HDBS)

Tôi tên là:

Số CMND:

Số điện thoại di động:

Địa chỉ liên lạc:

Số tài khoản giao dịch ký quỹ:

Tôi đã ký Hợp đồng Mở tài khoản giao dịch ký quỹ chứng khoán niêm yết

số: ngày với HDBS.

Tôi đề nghị Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB chấp thuận hoãn bán giải chấp với các khoản vay giao dịch ký quỹ chứng khoán theo chi tiết dưới đây, tôi cam kết sẽ hoàn trả tổng nợ vay trong thời hạn mà HDBS chấp thuận gia hạn.

TT	Số HĐ	Ngày phát vay	Ngày đến hạn	Dư nợ gốc	Tiền lãi	Tổng nợ
Tổng cộng						

Tôi đồng ý rằng việc HDBS chấp thuận đề nghị hoãn bán giải chấp của tôi không xác lập hay thay đổi bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào mà tôi phải thực hiện và cũng không thay đổi quyền bán giải chấp của HDBS đối với các hợp đồng vay giao dịch ký quỹ nêu trên.

Tỷ lệ tài khoản hiện tại	Ngày hoãn bán giải chấp	Ngày hết hạn hoãn bán giải chấp

..... Ngày/..... tháng/..... năm/.....

Người yêu cầu

PHẦN XÁC NHẬN CỦA HDBS

Nhân viên thực hiện

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kiểm soát viên

(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HDBS

(Ký và ghi rõ họ tên)